

NGHỊ QUYẾT
Thông qua Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 1561/BC-HĐTĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo đánh giá môi trường Chiến lược của quy hoạch tỉnh;

Xét Tờ trình số 1034/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch tỉnh Phú Thọ với tổng diện tích tự nhiên 3.534,6 km²; với 13 đơn vị hành chính gồm: Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ

và 11 huyện (Lâm Thao, Cẩm Khê, Hạ Hòa, Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Thanh Ba, Đoan Hùng, Phù Ninh, Thanh Thủy, Tam Nông). Ranh giới tọa độ địa lý từ 20°55' đến 21°43' vĩ độ Bắc và 104°48' đến 105°27' kinh độ Đông, thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Phía Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang, phía Nam giáp tỉnh Hòa Bình, phía Đông giáp tỉnh Vĩnh Phúc, phía Đông Nam giáp thành phố Hà Nội, phía Tây giáp tỉnh Sơn La và tỉnh Yên Bái.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC

1. Quan điểm phát triển

1.1. Phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của vùng Đất Tổ, cội nguồn dân tộc phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch các ngành, lĩnh vực của cả nước, Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội; đảm bảo phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, cải thiện mọi mặt của đời sống Nhân dân.

1.2. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả và giá trị gia tăng gắn với tăng trưởng xanh; lấy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn làm yếu tố then chốt để đảm bảo phát triển bền vững; trong đó chú trọng phát huy có hiệu quả các nguồn lực về con người, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; hội nhập quốc tế và tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

1.3. Thực hiện cơ cấu các ngành sản xuất, chuyển đổi mô hình phát triển theo chiều sâu; ưu tiên phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành dịch vụ, du lịch trọng điểm. Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển khu vực đô thị và nông thôn, trong đó chú trọng vùng động lực. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hệ thống giao thông, hạ tầng khu công nghiệp và hạ tầng du lịch.

1.4. Phát huy tối đa nhân tố con người, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Đất Tổ, sự năng động và khát vọng đổi mới, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, vượt lên mạnh mẽ và bền vững của Nhân dân các dân tộc tỉnh Phú Thọ. Lấy đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển giáo dục và đào tạo; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số để tăng năng suất lao động.

1.5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh

Nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

2.1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và phát huy bản sắc văn hóa phong phú, đa dạng; phấn đấu đến năm 2030 Phú Thọ là tỉnh phát triển hàng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ. Hình thành chuỗi liên kết khu vực động lực của vùng tại vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ và từng bước hình thành các trung tâm phát triển về du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, thương mại và logistics của tiểu vùng Tây Bắc. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo dựng môi trường sống bền vững, chất lượng sống tốt cho người dân gắn với sử dụng bền vững tài nguyên, hệ sinh thái. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vùng Đất Tổ với hai di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Phát triển thành phố Việt Trì trở thành thành phố Lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt từ 10,5%/năm trở lên.

- GRDP bình quân theo đầu người năm 2030 đạt 6.200 - 6.300 USD.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Công nghiệp - xây dựng, chiếm 48 - 50%; dịch vụ chiếm 33 - 35%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 12 - 14%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3 - 5%.

- Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thời kỳ 2021 - 2030 đạt từ 800 nghìn tỷ đồng trở lên, trong đó tỷ trọng vốn FDI chiếm 19 - 20%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 8% trong thời kỳ 2021 - 2030.

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 15% GRDP vào năm 2025 và bằng mức bình quân của cả nước từ năm 2030 trở đi; mức đóng góp năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đạt 45% vào năm 2030.

- Thuộc nhóm dẫn đầu của vùng về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).

b) Về văn hóa - xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trong thời kỳ 2021 - 2030 bình quân đạt 1,08%/năm.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 30 - 32%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 100%.
- Số giường bệnh trên 10.000 dân (không bao gồm giường bệnh trạm y tế) đạt khoảng 57 giường bệnh; số bác sĩ trên 10.000 dân đạt 16 bác sĩ.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo và truyền nghề đạt 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 85% và nông thôn mới nâng cao đạt 40%.

c) Về môi trường:

- Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom được xử lý khu vực đô thị đạt khoảng 90% - 100%, khu vực nông thôn khoảng 80% - 95%; 100% chất thải nguy hại được thực hiện quy trình thu gom, vận chuyển riêng biệt và xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường.
- 100% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường.
- Duy trì ổn định diện tích rừng và cơ cấu 03 loại rừng với tỷ lệ độ che phủ rừng đạt khoảng 38 - 39%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt trên 98%.

d) Về quốc phòng, an ninh: Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội, môi trường, củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

3. Tầm nhìn phát triển đến năm 2050: Phú Thọ là tỉnh phát triển ở khu vực phía Bắc, nằm trong nhóm các tỉnh phát triển của cả nước. Là một trong những trung tâm công nghiệp, dịch vụ và du lịch hàng đầu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; là nơi đáng sống, đáng đến, an toàn và thịnh vượng.

4. Các nhiệm vụ và đột phá chiến lược

Để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển, tỉnh Phú Thọ xác định các nhiệm vụ và đột phá chiến lược: Một trung tâm - Hai hành lang kinh tế - Ba đột phá phát triển - Bốn nhiệm vụ trọng tâm.

4.1. Một trung tâm: Xây dựng và phát triển đô thị Việt Trì trở thành thành phố Lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam, là đô thị trung tâm cấp quốc gia của hành lang đô thị Trung du và miền núi phía Bắc, đạt tiêu chuẩn đô thị loại I.

4.2. Hai hành lang kinh tế: (i) Hành lang kinh tế dọc tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai; (ii) Hành lang kinh tế dọc tuyến cao tốc Bắc - Nam (phía Tây); trọng

tâm là hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng, khu du lịch, dịch vụ có quy mô lớn, tạo đột phá đối với sự phát triển của tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4.3. Ba đột phá phát triển: (i) Huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, trọng tâm là đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng then chốt: Giao thông liên vùng, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị và du lịch; (ii) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật; (iii) Cải cách hành chính và nâng cao năng lực quản trị địa phương; tập trung thực hiện cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trên 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

4.4. Bốn nhiệm vụ trọng tâm: (i) Phát huy lợi thế so sánh để phát triển nhanh công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ, du lịch; (ii) Thu hút có hiệu quả nguồn vốn ngoài tỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác, thu hút và quản lý đầu tư; (iii) Bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa vùng Đất Tổ; (iv) Xây dựng Phú Thọ trở thành Trung tâm của tiểu vùng Tây Bắc ở các lĩnh vực: Du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, thương mại, logistics.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG

1. Ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, thân thiện môi trường, trong đó chú trọng phát triển công nghiệp theo chiều sâu, sản phẩm có giá trị gia tăng cao và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển và giữ vững vai trò trung tâm công nghiệp của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; hình thành chuỗi liên kết khu vực động lực của vùng tại vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ.

- Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao (chế biến, chế tạo, điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí lắp ráp hiện đại, máy nông nghiệp, thiết bị, dụng cụ y tế,...); phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; cơ cấu lại và nâng cao giá trị các sản phẩm công nghiệp truyền thống (hóa chất, giấy, phân bón, vật liệu xây dựng) theo hướng có chọn lọc để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

2. Ngành dịch vụ

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ theo hướng nâng cao tỷ trọng các sản phẩm dịch vụ chất lượng và giá trị gia tăng cao như bán buôn và bán lẻ phân khúc trung - cao cấp; du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi, giải trí chất lượng cao, giáo dục và đào tạo, y tế chất lượng cao,... Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ: Dịch vụ logistics, vận tải đường thủy nội địa và đường sắt, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ hành chính công,...

- Hình thành chuỗi cung ứng, phân phối hiện đại cho tiểu vùng Tây Bắc với định hướng lâu dài phát triển Phú Thọ trở thành một trong những trung tâm thương

mại, logistics của vùng. Xây dựng thị trường thương mại có tính cạnh tranh, đưa thương mại điện tử dần trở thành một trong những kênh phân phối quan trọng.

- Tập trung phát triển du lịch trở thành điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước; hình thành một số khu du lịch trọng điểm kết nối với các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội; chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch: Du lịch văn hóa, lịch sử gắn với thành phố lễ hội Việt Trì và 02 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; du lịch nghỉ dưỡng, sân golf và vui chơi giải trí. Phát triển thành phố Việt Trì trở thành trung tâm du lịch, là cửa ngõ đón du khách của toàn vùng.

3. Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Phát triển nông nghiệp theo hướng tập trung gắn với chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển nông nghiệp thông minh gắn kết chặt chẽ với sử dụng công nghệ sau thu hoạch, chế biến và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Hình thành một số vùng sản xuất cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp tập trung, quy mô lớn, có lợi thế; khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, thân thiện với môi trường; đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ phát triển kinh tế hộ sản xuất hàng hóa; phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; phát triển các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản địa phương có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh cao.

4. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

4.1. Giáo dục và đào tạo: Duy trì chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn thuộc топ đầu cả nước. Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông được phát triển hợp lý, nâng cao chất lượng và đáp ứng nhu cầu xã hội về tiếp cận dịch vụ giáo dục. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đón đầu hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư. Sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp hợp lý, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội. Tập trung đầu tư, mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Hùng Vương, Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ và Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh và các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

4.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân: Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, đồng bộ, toàn diện; nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tăng cường đầu tư các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa; chú trọng phát triển các kỹ thuật cao, chuyên sâu trên địa bàn; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Tạo điều kiện thu hút xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, phát triển hệ thống khám chữa bệnh ngoài công lập. Phấn đấu đưa Phú Thọ thành trung tâm y tế kỹ thuật chuyên sâu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

4.3. Văn hóa và thể dục, thể thao: Xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc văn hóa vùng Đất Tổ, chú trọng bảo tồn giá trị văn hóa của các dân tộc. Xây dựng và phát triển tỉnh Phú Thọ thành trung tâm văn hóa về cội nguồn của cả nước. Bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị hai di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại gắn với phát triển du lịch. Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa khu vực thành thị và nông thôn.

Phát triển thể dục, thể thao đảm bảo tính toàn diện, liên tục, bền vững, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ, làm lành mạnh hóa môi trường sống. Từng bước xây dựng lực lượng thể thao chuyên nghiệp, xây dựng Phú Thọ trở thành một trong những trung tâm thể dục, thể thao của vùng và cả nước. Khai thác hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao trong tổ chức sự kiện lớn của Quốc gia và quốc tế.

4.4. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm các ngành khoa học, kỹ thuật. Lấy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chính để đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng. Phát huy các cơ sở, viện nghiên cứu và đội ngũ cán bộ khoa học hiện có để tiếp thu, làm chủ các công nghệ tiên tiến.

4.5. Thông tin và truyền thông: Chuyển đổi số căn bản, toàn diện trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan Nhà nước, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường. Phát triển mạnh mẽ các loại hình thông tin báo chí, đặc biệt chú trọng phát triển các loại hình thông tin điện tử, tăng cường quản lý truyền thông trên nền tảng số.

4.6. An sinh xã hội: Thực hiện tốt chính sách xã hội, chăm sóc người có công; hỗ trợ những người yếu thế vươn lên hòa nhập cộng đồng. Tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.

4.7. Quốc phòng, an ninh: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, củng cố khu vực phòng thủ vững chắc; chủ động phòng ngừa và đấu tranh với các thế lực thù địch và các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện kết hợp giữa đảm bảo quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và hoạt động đối ngoại.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển hệ thống đô thị

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa đến năm 2030 đạt tỷ lệ khoảng 30 - 32%; mở rộng địa giới hành chính, nâng cấp một số đơn vị hành chính cấp huyện. Phát triển hệ thống đô thị gắn với phát triển các khu chức năng (khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu thể dục thể thao). Nâng cao chất

lượng đô thị hóa gắn với hiệu quả kinh tế đô thị, đồng bộ về kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, đảm bảo chất lượng sống của người dân.

- Đến năm 2030, toàn tỉnh có 22 đô thị gồm: 01 đô thị loại I là thành phố Việt Trì; 01 đô thị loại II là thị xã Phú Thọ; 09 đô thị loại IV: Hùng Sơn, Lâm Thao, Thanh Thủy, Hưng Hóa, Đoan Hùng, Cẩm Khê, Yên Lập, Tân Phú, Hạ Hòa; 03 đô thị loại IV mở rộng: Phong Châu, Thanh Ba, Thanh Sơn; 08 đô thị loại V thành lập mới (Vạn Xuân, Phú Lộc, Tây Cốc, Hiền Lương, Minh Tân, Thu Cúc, Hương Cần, Hoàng Xá).

2. Phương án phát triển khu vực nông thôn

- Tổ chức không gian khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa và đặc thù của từng khu vực; hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và cơ sở sản xuất theo mô hình nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

- Phát triển các loại hình, kiến trúc nhà ở nông thôn gắn với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, du lịch sinh thái gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung,... Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống của làng, xã gắn với đặc trưng văn hoá Đất Tổ.

3. Phương án phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

3.1. Khu công nghiệp: Đến năm 2030, tỉnh Phú Thọ phát triển 12 khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 5.095 ha bao gồm:

- Tập trung đầu tư 07 khu công nghiệp trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (khu công nghiệp Thụy Vân, khu công nghiệp Trung Hà, khu công nghiệp Phú Hà, khu công nghiệp Cẩm Khê, khu công nghiệp Tam Nông, khu công nghiệp Hạ Hòa, khu công nghiệp Phù Ninh).

- Hình thành 05 khu công nghiệp mới; trong đó khu công nghiệp Thanh Ba đã được phân bổ diện tích sử dụng đất, 04 khu công nghiệp Bắc Sơn, Đồng Lương, Đoan Hùng, Võ Miếu triển khai khi được bổ sung chỉ tiêu đất khu công nghiệp trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026 - 2030.

3.2. Cụm công nghiệp: Đến năm 2030, tỉnh Phú Thọ phát triển 40 - 45 cụm công nghiệp, với tổng diện tích khoảng trên 2.500 ha.

4. Phương án phát triển khu du lịch

- Đến năm 2030 có 02 khu du lịch quốc gia gồm: khu du lịch quốc gia Đền Hùng và khu du lịch quốc gia Xuân Sơn (gắn với Vườn quốc gia Xuân Sơn).

- Đến năm 2030 có từ 03 - 05 khu du lịch cấp tỉnh tại thành phố Việt Trì, các huyện: Thanh Thủy, Hạ Hòa, Tam Nông, Tân Sơn,...

5. Phương án phát triển các khu vực có vai trò động lực, khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

5.1. Các khu vực có vai trò động lực

Khu vực có vai trò động lực phát triển kinh tế về công nghiệp, xây dựng, trung tâm văn hóa lễ hội, dịch vụ, hành chính của tỉnh gồm thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ, các huyện Lâm Thao, Tam Nông, Cẩm Khê, Thanh Ba, Phù Ninh. Khu vực này tiếp tục thu hút đầu tư phát triển trong đó tập trung vào 02 tuyến hành lang kinh tế dọc 02 tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai và cao tốc Bắc Nam phía Tây, các trung tâm đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng.

5.2. Các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Ưu tiên đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu (giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế, chợ, viễn thông). Kết nối mạng lưới giao thông nông thôn với các trục đường tỉnh, quốc lộ. Đầu tư, hỗ trợ các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư đối với các hộ cư trú phân tán trong các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, khu vực có nguy cơ xảy ra thiên tai cao.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách cho đối tượng thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng dạy và học ở vùng dân tộc thiểu số. Phát triển đa dạng các hình thức dạy nghề và giải quyết việc làm phù hợp với điều kiện và tập quán dân cư vùng dân tộc, miền núi. Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng cho người dân.

- Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, sinh thái ở một số địa bàn có điều kiện, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong đó chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản dựa trên các sản phẩm có lợi thế như chè, các sản phẩm gỗ, dược liệu. Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Đến năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 1 - 2%; cơ bản không còn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

Bám sát định hướng của quy hoạch cấp quốc gia để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh đảm bảo đồng bộ, hiện đại, liên thông, thúc đẩy liên kết vùng. Tăng cường ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong phát triển hệ thống giao thông thông minh; điều hành và quản lý hệ thống giao thông vận tải một cách hiệu quả, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thời gian, chi phí đi lại, thuận tiện và thân thiện với môi trường, nhất là hệ thống giao thông kết nối phục vụ phát triển kinh tế - xã hội về lâu dài.

1.1. Đường bộ quốc gia

Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021, trong đó:

- Đường cao tốc: Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (CT.05) đoạn qua tỉnh Phú Thọ quy mô 6 làn xe; Đường cao tốc Bắc Nam phía Tây (CT.02) đoạn

Tuyên Quang - Phú Thọ quy mô 4 làn xe, đoạn Phú Thọ - Ba Vì (Hà Nội) quy mô 6 làn xe. Hệ thống đường bộ cao tốc kết nối các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc với Vùng thủ đô Hà Nội và kết nối với hệ thống cảng biển, sân bay.

- Đường quốc lộ: Tập trung nâng cấp, cải tạo hệ thống quốc lộ chính yếu, đặc biệt ưu tiên đầu tư nâng cấp Quốc lộ 2; Quốc lộ 32, Quốc lộ 70; quy mô theo quy hoạch (cấp/làn xe IV-III, 2 - 6 làn xe); duy trì khai thác ổn định và từng bước đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ thứ yếu (QL.32B, QL.32C, QL.70B, QL.2D). Xây dựng một số tuyến tránh khu đô thị, khu đông dân cư trên các tuyến quốc lộ (thị trấn Phong Châu, thị trấn Đoan Hùng, thị trấn Thanh Sơn, thị trấn Yên Lập...).

1.2. Đường tỉnh

- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện có đạt quy mô tối thiểu cấp IV, nơi địa hình khó khăn đạt cấp V. Đối với các đoạn tuyến đi qua khu dân cư tập trung, nghiên cứu quy mô, hướng tuyến theo điều kiện đặc thù của khu vực. Đầu tư sửa chữa kịp thời các tuyến đường hiện hữu; xây dựng cầu kiên cố thay thế dần các cầu cũ, tải trọng thấp và thay thế đường tràn trên các tuyến đường tỉnh và xây dựng mới một số cầu lớn qua sông Lô, sông Hồng, sông Đà, sông Chảy.

- Đầu tư xây dựng mới 22 tuyến đường tỉnh quy mô tối thiểu đạt cấp III, IV, nơi địa hình khó khăn đạt cấp V. Đối với các đoạn qua đô thị đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch đô thị. Đối với các đoạn tuyến đi qua khu dân cư tập trung, nghiên cứu quy mô, hướng tuyến theo điều kiện đặc thù của khu vực.

- Phát triển một số tuyến mới nhằm tăng cường kết nối các khu vực trong tỉnh với quy mô tối thiểu đạt chuẩn đường cấp III, 2 - 4 làn xe; đường đô thị, 2 - 4 làn xe.

1.3. Đường sắt

Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục thực hiện quản lý, khai thác và đầu tư nâng cấp đồng bộ hệ thống đường sắt qua địa bàn tỉnh Phú Thọ. Phối hợp với ngành đường sắt ưu tiên đầu tư xây dựng ga hàng hóa quốc tế tại ga Tiên Kiên, ga Việt Trì, xóa bỏ lối đi dân sinh tự mở trên tuyến đường sắt quốc gia Hà Nội - Lào Cai.

1.4. Đường thủy nội địa

- Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021: phối hợp với Bộ Giao thông vận tải ưu tiên cải tạo, nạo vét luồng, thanh thải đá ngầm trên các tuyến đường thủy nội địa sông Lô, sông Hồng, sông Đà.

- Nâng cấp hệ thống cảng thủy nội địa hiện có và đầu tư xây dựng mới một số cảng nhằm đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trong

đó quy hoạch cụm cảng hàng hóa Phú Thọ quy mô khoảng 10,3 triệu tấn/năm, cụm cảng hành khách Phú Thọ, quy mô 100 nghìn lượt hành khách/năm; quy hoạch một số đoạn, vị trí xây dựng bến, cụm bến hàng hóa, bến hành khách, bến khách ngang sông, bến phao.

1.5. Trung tâm logistics và cảng cạn (ICD): Phát triển cụm cảng cạn Hải Linh có quy mô phù hợp; nghiên cứu đầu tư, xây dựng cảng cạn kết hợp với trung tâm logistics, trong đó có 01 trung tâm logistics cấp vùng tại khu vực thị xã Phú Thọ và vùng phụ cận với quy mô diện tích khoảng 50 ha và 02 trung tâm logistics cấp tỉnh.

1.6. Bến xe khách: Xây dựng bến xe khách của các huyện, thành phố, thị xã tại vị trí có hạ tầng giao thông thuận lợi, phù hợp với quy hoạch các huyện, thành phố, thị xã. Đến năm 2030, bến xe các huyện Đoan Hùng, Phù Ninh, Tam Nông, thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ đạt loại 1, 2; các huyện còn lại đạt loại 3 trở lên.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện: Duy trì, phát triển các nguồn, lưới điện đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nguồn điện: Nhà máy xử lý đốt rác thải phát điện tại xã Trại Thán, huyện Phù Ninh với công suất 18MW; điện tận dụng từ nguồn nhiệt thải nhà máy xi măng khoảng 4.500KVA, điện sinh khối khoảng 50MW; phát triển các dự án thủy điện và các nguồn năng lượng tái tạo khác.

- Lưới điện: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới trạm biến áp, đường dây 500kV, 220kV; 110kV đáp ứng nhu cầu.

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Đẩy nhanh việc chuyển đổi số theo phương châm chính quyền đi đầu dẫn dắt, kiến tạo thị trường chuyển đổi số tại địa phương. Phấn đấu hoàn thành triển khai chính quyền điện tử và đáp ứng chính quyền số vào năm 2025. Xây dựng đô thị thông minh, trước hết là tại thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ.

- Chuyển đổi nhanh hạ tầng viễn thông sang hạ tầng số với dung lượng lớn, tốc độ cao và tin cậy, bảo đảm an toàn an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu dịch vụ số của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển hạ tầng thông tin di động 4G, 5G và các thế hệ tiếp theo bảo đảm chất lượng và phủ sóng 100% dân cư. Cơ bản các hộ gia đình đều được kết nối Internet cố định băng rộng, đạt trên 95% đến năm 2030. Ngầm hóa kết hợp với chỉnh trang mạng cáp viễn thông đạt tối thiểu 50% hạ tầng mạng ngoại vi.

- Củng cố các cơ sở viễn thông công ích: Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ các nhiệm vụ chính trị, trong những tình huống khẩn cấp trên địa bàn; thông tin liên lạc cho các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa; thông tin liên lạc trong phòng, chống giảm nhẹ thiên tai.

- Hạ tầng bưu chính được mở rộng trên các nền tảng và dữ liệu, hỗ trợ các mô hình kinh doanh mới, tham gia đầy đủ vào chuỗi giá trị thương mại điện tử và logistics.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

4.1. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Phát triển mạng lưới thủy lợi đảm bảo quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông kết hợp đơn vị hành chính. Cân đối điều hòa nước trong hệ thống công trình thủy lợi, thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, phục vụ đa mục tiêu đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

- Bảo đảm cấp nước tưới, tiêu cho nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội; từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai, giảm tổn thất về người, tài sản của nhà nước và nhân dân.

4.2. Phương án cấp nước

- Tiếp tục duy trì, đầu tư, cải tạo, nâng công suất hệ thống các công trình cấp nước sạch tập trung hiện có trên địa bàn tỉnh, đảm bảo cung cấp đủ nước cho nhân dân trên địa bàn các xã đã có công trình cấp nước.

- Tiếp tục ưu tiên thu hút đầu tư nâng cấp, mở rộng phạm vi cấp nước đối với các công trình hoạt động tốt, công suất lớn, có chất lượng nguồn nước đảm bảo đủ điều kiện mở rộng phạm vi cấp nước và đối tượng thụ hưởng.

- Đối với cấp nước các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: chủ yếu từ các nhà máy nước liên vùng hoặc nhà máy nước đô thị (ngoại trừ một số khu công nghiệp xây dựng nhà máy nước riêng).

4.3. Phương án tiêu thoát nước

Nâng cấp, mở rộng và nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý của các hệ thống xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại các đô thị và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đạt tiêu chuẩn môi trường; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải đô thị, nông thôn.

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện Khu liên hợp xử lý chất thải Trạm Thán (huyện Phù Ninh) để xử lý các loại chất thải rắn. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; hoàn thành mạng lưới điểm tập kết rác thải tại các huyện, thành, thị để thu gom rác thải sinh hoạt về nơi xử lý tập trung.

Huy động mọi nguồn lực đầu tư, tăng cường xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy

Quy hoạch các công trình hạ tầng phòng cháy và chữa cháy tại trung tâm các huyện, thành phố, thị xã, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các điểm dừng nghỉ trên đường cao tốc và địa bàn trọng điểm nguy hiểm về cháy nổ đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc phù hợp với nguyên tắc phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo: Phát huy vai trò của tỉnh Phú Thọ là trung tâm giáo dục và đào tạo của tiểu vùng Tây Bắc.

- Xây dựng và mở rộng các cơ sở giáo dục các cấp từ mầm non đến trung học phổ thông. Duy trì số lượng các trường công lập và mở rộng quy mô lớp học, tăng cường xã hội hóa các trường mầm non tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Thu hút đầu tư các trường ngoài công lập.

- Tập trung đầu tư, nâng cao chất lượng Trường Đại học Hùng Vương và Trường cao đẳng nghề Phú Thọ với cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng mô hình trường đa ngành, đa lĩnh vực. Thành lập Trường Đại học Y Phú Thọ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ.

- Phát triển quy mô, mạng lưới giáo dục thường xuyên: giữ ổn định mạng lưới, loại hình các trung tâm. Khuyến khích phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập ngoài công lập trên địa bàn.

2. Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Mạng lưới cơ sở y tế công lập gồm 10 bệnh viện công lập tuyến tỉnh (02 bệnh viện đa khoa và 08 bệnh viện chuyên khoa); mở rộng quy mô các trung tâm y tế 02 chức năng tại các huyện để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, y tế dự phòng, dân số và các dịch vụ y tế khác; duy trì và phát triển các trạm y tế cấp xã, các đơn vị y tế có chức năng dự phòng.

- Mạng lưới cơ sở y tế ngoài công lập: Mở rộng quy mô Bệnh viện đa khoa Hùng Vương và Bệnh viện đa khoa Việt Đức; phát triển 01 trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo mô hình chăm sóc sức khỏe kết hợp nghỉ dưỡng; xây dựng 01 bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; thành lập thêm 02 trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại các huyện; Khuyến khích thành lập 01 Bệnh viện tư nhân đạt tiêu chuẩn quốc tế, quốc gia và thành lập thêm 1-2 Bệnh viện đa khoa tư nhân ở thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ, mỗi huyện có ít nhất 01 phòng khám đa khoa tư nhân.

- Phát triển 02 trung tâm phân phối thuốc của vùng với hệ thống bảo quản thuốc đạt tiêu chuẩn, đóng vai trò phân phối thuốc của tiểu vùng Tây Bắc. Xây mới 01 cơ sở sản xuất thuốc tân dược đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương, 02 cơ sở sản xuất thuốc đông dược đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đạt GMP - WHO của cơ quan quản lý dược Việt Nam.

3. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

- Đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao của các tầng lớp nhân dân. Đến năm 2030,

100% huyện, thành, thị có thiết chế trung tâm văn hóa, thể thao đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Bảo tồn và phát huy hiệu quả di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc trong đó ưu tiên đầu tư trọng điểm, tập trung cho Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đền Hùng, các di tích lịch sử, văn hóa quốc gia; hai di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và các di sản văn hóa khác.

- Phát triển hệ thống các khu chức năng, tổng hợp, sân golf và nghỉ dưỡng tại một số địa bàn phù hợp đáp ứng yêu cầu.

4. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

- Các cơ sở công lập: Đầu tư xây dựng, mở rộng diện tích bảo đảm quy mô ở những nơi có điều kiện; cải tạo cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị để đảm bảo công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng theo quy định. Phát triển dịch vụ chăm sóc đối tượng tự nguyện đóng góp kinh phí để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Duy trì, nâng cấp Trung tâm bảo trợ trẻ em mồ côi tàn tật thành phố Việt Trì, Trung tâm Bảo trợ giáo dục trẻ mồ côi khuyết tật huyện Thanh Ba, Trung tâm trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Phú Thọ tại huyện Đoan Hùng, Trung tâm điều dưỡng người có công tại thị xã Phú Thọ, Trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng tâm thần tại thành phố Việt Trì theo quy hoạch ngành; duy trì và nâng cấp cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Phú Thọ.

- Các cơ sở ngoài công lập: Thành lập mới một số cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh. Sửa chữa, nâng cấp Làng trẻ em SOS tại thành phố Việt Trì. Thành lập mới Trung tâm Lão khoa, chăm sóc người cao tuổi và phục hồi chức năng Phú Thọ tại thành phố Việt Trì.

- Mở rộng số lượng cơ sở dịch vụ việc làm và đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ việc làm theo hướng tăng cường tính tự chủ, gắn với sự phát triển của thị trường lao động bảo đảm hỗ trợ tốt nhất cho người lao động đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Phương án phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ

Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phù hợp với cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ Tư. Nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhất là nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao; đầu tư, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất cho các đơn vị quản lý và tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2030, Phú Thọ trở thành một trong những trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mạnh của tiểu vùng Tây Bắc.

6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Thu hút, đầu tư các trung tâm thương mại phức hợp đáp ứng nhu cầu mua sắm kết hợp với vui chơi giải trí của người dân trong và ngoài tỉnh, trong đó ưu tiên phát triển các tổ hợp hiện đại phục vụ phát triển dịch vụ du lịch.

- Phát triển hệ thống hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt, trạm chiết nạp, hạ tầng trung tâm logistics cấp vùng, cấp tỉnh,... đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng vận tải, kho bãi tạo lợi thế cạnh tranh, giảm chi phí logistics.

VII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

- Vùng 1 gồm: Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các huyện: Lâm Thao, Phù Ninh và Tam Nông nằm ở phía Đông của tỉnh Phú Thọ. Đây là vùng động lực phát triển công nghiệp, dịch vụ nhất là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, dịch vụ, khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, các lĩnh vực về giáo dục, y tế và logistics của tỉnh.

- Vùng 2 gồm các huyện: Đoan Hùng, Hạ Hòa, Thanh Ba, Cẩm Khê, Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn, Thanh Thủy. Đây là vùng ưu tiên phát triển nông, lâm nghiệp, chế biến nông - lâm sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển mạnh về dịch vụ du lịch và phát triển công nghiệp tại các địa bàn đủ điều kiện.

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

Quy hoạch 13 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm: (1) Vùng thành phố Việt Trì; (2) Vùng thị xã Phú Thọ; (3) Vùng huyện Phù Ninh; (4) Vùng huyện Lâm Thao; (5) Vùng huyện Thanh Ba; (6) Vùng huyện Đoan Hùng; (7) Vùng huyện Hạ Hòa; (8) Vùng huyện Cẩm Khê; (9) Vùng huyện Yên Lập; (10) Vùng huyện Thanh Thủy; (11) Vùng huyện Tam Nông; (12) Vùng huyện Thanh Sơn; (13) Vùng huyện Tân Sơn.

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Triển khai phương án phân bố, khoanh vùng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, đảm bảo duy trì ổn định tỷ lệ che phủ và khoanh nuôi tái sinh rừng; khai thác có hiệu quả và bền vững, biến đất đai trở thành nguồn lực và tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các chỉ tiêu phân bổ đất đai tuân thủ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho tỉnh Phú Thọ nhằm quản lý thống nhất, chặt chẽ nguồn tài nguyên đất đai theo quy định của pháp luật. Đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên là 353.456 ha, bao gồm 281.784 ha đất nông nghiệp, chiếm 79,72%; 70.734 ha đất phi nông nghiệp, chiếm 20,01%; 938 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,27% diện tích tự nhiên. Thực hiện thu hồi khoảng 11.900 ha đất để thực hiện các công trình dự án, trong đó có khoảng 11.643 ha đất nông nghiệp.

IX. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

1.1. Phương án phân vùng bảo vệ môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm: (1) Nội thị đô thị loại I, II, III (thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ); (2) Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; (3) Các Khu bảo tồn thiên nhiên và Vườn quốc gia (Vườn quốc gia Xuân Sơn, Rừng quốc gia Đền Hùng) và các khu bảo tồn, rừng đặc dụng; (4) Khu vực bảo vệ 1 của các di tích lịch sử, văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: (1) Vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên; (2) Vùng đất ngập nước quan trọng; (3) Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; (4) Nội thị đô thị loại IV, V; (5) Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

1.2. Quan trắc môi trường đất, nước, không khí

Duy trì, nâng cấp hệ thống quan trắc hiện có; xây dựng mới và bố trí mạng lưới quan trắc môi trường bao gồm các điểm quan trắc, trạm quan trắc tự động các thành phần môi trường đất, nước, không khí; đầu tư nâng cao năng lực phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường đồng thời có tính chất liên thông, liên kết với mạng lưới cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường quốc gia, cấp vùng và các tỉnh lân cận.

1.3. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tập trung bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp với sử dụng bền vững, phát huy giá trị các khu bảo tồn hiện có, gồm: Vườn quốc gia Xuân Sơn và rừng quốc gia Đền Hùng, Khu bảo vệ cảnh quan Núi Nả, Khu bảo vệ cảnh quan Yên Lập. Thành lập mới khu bảo vệ cảnh quan Đầm Ao Châu là khu vực bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước rộng lớn và đặc trưng và là nơi cư trú của nhiều loài động, thực vật quý hiếm.

- Mở rộng diện tích 01 cơ sở bảo tồn chuyển chỗ và xây dựng thêm 4 cơ sở bảo tồn chuyển chỗ gồm hệ thống các vườn thực vật, vườn ươm, trung tâm cứu hộ bảo tồn và phát triển sinh vật.

1.4. Bảo vệ và phát triển rừng

- Duy trì độ che phủ rừng toàn tỉnh 38 - 39%. Tổng diện tích đất quy hoạch 3 loại rừng đến năm 2030 là 154 - 155 nghìn ha, bao gồm: 13,8 - 14,0 nghìn ha rừng đặc dụng, 27,0 - 28,0 nghìn ha rừng phòng hộ và 113,0 - 114,0 nghìn ha rừng sản xuất.

- Chú trọng bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có; khoanh nuôi nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là diện tích rừng tự nhiên, rừng đặc dụng; phát triển các loài dược liệu đặc hữu. Phát triển rừng trồng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (FSC) gắn với chế biến sâu. Phát triển, nâng cao chất lượng

rừng trồng, nhất là trồng rừng gỗ lớn. Bảo tồn và sử dụng có hiệu quả các khu rừng đặc dụng văn hóa, di tích lịch sử.

- Thực thi hiệu quả và đầy đủ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và tín chỉ các-bon.

1.5. Các khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ

Quy hoạch xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung theo quy hoạch đô thị và nông thôn ở các cấp; bố trí nhà tang lễ tại các đô thị đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị; duy trì các nghĩa trang hiện trạng đến khi lấp đầy; di dời đối với các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hoặc không đảm bảo yêu cầu môi trường. Mở rộng công viên nghĩa trang Vĩnh hằng Phú Thọ giai đoạn 2 lên quy mô khoảng 107 ha và giai đoạn 3 đạt quy mô khoảng 203 ha tại huyện Phù Ninh.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2.1. Xác định các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản chưa khai thác, cấm khai thác cần bảo vệ với từng loại khoáng sản

- Đối với các mỏ được đã được cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản thì tiếp tục quy hoạch theo trữ lượng của mỏ. Những mỏ đã cấp phép khai thác mà khai thác không hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường, sau khi rà soát các quy định của Nhà nước thì tiến hành thu hồi và đóng cửa mỏ khi giấy phép hết hạn.

- Đối với khoáng sản đã có trong danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt được đưa vào khai thác nhằm đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho cả nước. Đối với khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, công bố đưa vào quy hoạch để đáp ứng yêu cầu sản xuất tại chỗ.

- Đối với khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường sẽ khai thác, chế biến ở các khu vực có tiềm năng về tài nguyên, trữ lượng khoáng sản theo nhu cầu của thị trường.

2.2. Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản

Tiếp tục thăm dò và cấp phép khai thác đối với các mỏ nước khoáng nóng, cao lanh-fenspat, thăm dò cát sông và các loại khoáng sản khác theo quy định. Quản lý chặt chẽ việc khai thác, gắn với chế biến sâu và bảo vệ môi trường.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

3.1. Phân vùng chức năng nguồn nước

Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn nước: (i) Nước cho sinh hoạt; (ii) Nước cho du lịch - dịch vụ; (iii) Nước cho công nghiệp; (iv) Nước cho nông, lâm nghiệp, thủy sản; (v) Nước cho các lĩnh vực khác.

3.2. Giải pháp bảo vệ tài nguyên nước

- Thu gom xử lý đạt chuẩn 90% tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên toàn tỉnh; 100% nước thải bệnh viện tuyến huyện trở lên được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường theo mục đích sử dụng nước; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng mới và 90% cơ sở sản xuất cũ xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã và đang hoạt động xử lý đạt chuẩn thải ra môi trường theo mục đích sử dụng nước của mỗi đoạn sông.

- Tổ chức cấm móc hành lang các nguồn nước cần lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh; Cải thiện chất lượng nước, giảm thiểu mức độ ô nhiễm, bảo đảm các đoạn sông đều đạt mục tiêu chất lượng nước theo quy hoạch.

- Giảm thiểu tình trạng suy thoái, cạn kiệt nguồn tài nguyên nước dưới đất khu vực khai thác nước lớn, khu vực được xác định là nguồn nước dự phòng, cấp nước tập trung cho sinh hoạt.

3.3. Giải pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Giải pháp công trình

- Đối với chống lũ lụt: Nâng cấp, củng cố đê điều với các đoạn chưa đảm bảo cao trình chống lũ thiết kế theo hướng đắp tôn cao, mở rộng, cứng hóa mặt kết hợp giao thông (chiều dài >60 km); xây dựng, tu sửa hệ thống kè bảo vệ bờ; xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các trạm bơm tiêu, các công trình hồ đập.

- Đối với chống hạn hán: Theo dõi chặt chẽ các nguồn nước và điều hành nước trong các hồ chứa để giảm thiểu các tác động của việc giảm thấp của nguồn nước trong thời gian hạn hán, đặc biệt là các hồ chứa lớn trong vùng như hồ Ngòi Vần, hồ Phụng Mao, hồ Hàm Kỳ,...

b) Giải pháp phi công trình

- Điều tiết lũ tại các hồ chứa thượng lưu, trồng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn; nâng cao năng lực phòng, chống lũ cho cộng đồng dân cư. Thực hiện phương án ứng phó khẩn cấp trong trường hợp lũ vượt tần suất thiết kế, xảy ra sự cố vỡ đập hoặc sự cố khác đối với các hồ chứa nước lớn ở thượng nguồn.

- Rà soát những diện tích có khả năng thiếu nước để lên kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng; sử dụng nước một cách tiết kiệm, tăng cường các biện pháp trữ nước vào các mặt ruộng, các hệ thống sông, kênh trục nội đồng để cung cấp nước tạo nguồn cho các trạm bơm trong hệ thống.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai.

- Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu gồm:

+ Huy động nguồn lực từ ngân sách và ngoài ngân sách cho phòng, chống thiên tai; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đầu tư cho phòng chống thiên tai; vận hành, quản lý, sử dụng có hiệu quả Quỹ phòng chống thiên tai, đảm bảo đúng quy định.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất đối với các đối tượng bị ảnh hưởng, thiệt hại do thiên tai; nâng cao nhận thức về thiên tai, rủi ro thiên tai, tăng cường quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn; xây dựng, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch phòng chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai, lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

+ Đầu tư, cải tạo, nâng cấp đê; phòng chống sạt lở; duy tu, sửa chữa, xử lý khẩn cấp các công trình đê điều; đầu tư nâng cấp các công trình di dân tái định cư vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai; đầu tư nâng cấp công trình đo đạc, quan trắc, giám sát cảnh báo sớm thiên tai.

- Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai:

+ Cải tạo, nâng cấp các tuyến đê sông còn thiếu cao trình chống lũ thiết kế; nâng cấp các tuyến đê ngòi đảm bảo quy mô, tần suất chống lũ đảm bảo theo quy định.

+ củng cố hệ thống đê sông, hồ chứa nước, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ tầng.

+ Quản lý các bãi sông để đảm bảo không gian thoát lũ.

X. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế trên 10,5%/năm thời kỳ 2021 - 2030, dự kiến vốn đầu tư phát triển khoảng 800 nghìn tỷ đồng. Dự kiến cơ cấu huy động các nguồn vốn như sau: (i) Vốn đầu tư của khu vực kinh tế Nhà nước khoảng 140 nghìn tỷ đồng, chiếm 17,5%; (ii) Vốn đầu tư của khu vực kinh tế ngoài nhà nước cần huy động ở mức cao, dự kiến khoảng 500 nghìn tỷ đồng, chiếm 62,5%; (iii) Thu hút vốn FDI khoảng 160 nghìn tỷ đồng, tương đương 6,5 tỷ USD, chiếm 19 - 20% tổng vốn đầu tư. Để huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đòi hỏi thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, cụ thể như sau:

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước (đầu tư công): Thời kỳ 2021 - 2030 phân đầu huy động tối thiểu 122 nghìn tỷ đồng, trong đó: (i) Vốn ngân sách Trung ương (hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA,...) khoảng 24 nghìn tỷ đồng; (ii) Vốn ngân sách tỉnh khoảng 32 nghìn tỷ đồng (bao gồm vốn đầu tư trong cân đối, thu tiền sử dụng đất, xổ số, vốn đầu tư từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi,...); (iii) Đầu tư từ các bộ, ngành Trung ương khoảng 20 nghìn tỷ đồng; (iv) Vốn đầu tư từ ngân sách cấp huyện, xã khoảng 46 nghìn tỷ đồng.

Giải pháp trọng tâm là: (i) Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn ODA và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi kết cấu hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh; (ii) Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh được thể hiện đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch đầu tư của bộ ngành nhằm đảm bảo vốn cho đầu tư phát triển; (iii) Ưu tiên vốn cho các dự án đầu tư liên kết vùng (vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Trung du và miền núi phía Bắc và khu vực động lực của vùng tại vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ); (iv) Thu hút vốn vay từ các tổ chức tài chính quốc tế, vốn từ các nhà đầu tư tư nhân thông qua các phương thức đối tác công tư (PPP).

- Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: (i) Tăng cường thu hút đầu tư tư nhân trong nước và đầu tư nước ngoài; xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư toàn diện. Đẩy mạnh thu hút vốn FDI (chủ yếu để phát triển công nghiệp) và thu hút các tập đoàn kinh tế trong nước (chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực phát triển du lịch, đô thị, dịch vụ thương mại, nông nghiệp công nghệ cao); (ii) Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp (y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ).

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng phục vụ phát triển các ngành lợi thế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trọng tâm là đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa về trình độ, kỹ năng, thái độ phục vụ, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức; đội ngũ công nhân lành nghề có tác phong công nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp đầu tư tại các khu công nghiệp, các doanh nghiệp dịch vụ, khu du lịch nghỉ dưỡng đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

- Tăng cường thu hút số lao động trẻ có trình độ chuyên môn, tay nghề, trên cơ sở gắn kết hoạt động, liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp của tỉnh với các trường đại học, cao đẳng trọng điểm ở trong và ngoài nước, liên kết đào tạo với doanh nghiệp hoặc ký hợp đồng đào tạo với các doanh nghiệp, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.

- Ban hành tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí cho các ngành nghề đào tạo, thực hiện lộ trình cơ cấu đủ chi phí trong giá dịch vụ đào tạo làm căn cứ giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu dịch vụ đào tạo, từng bước thực hiện lộ trình tự chủ đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo quy định.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Tập trung phát triển công nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, từng bước loại bỏ, thay thế các công nghệ cũ, gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường hợp tác với các địa phương tiếp giáp trong sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Xem xét việc quản lý tập trung đối với chất thải y tế và chất thải nguy hại với công nghệ xử lý tốt nhất, khuyến khích giảm thiểu, tái sử dụng và xử lý chất thải hữu cơ tại nguồn với quy mô nhỏ ở những khu vực nông thôn chưa có hệ thống quản lý chất thải tập trung.

- Nâng cao năng lực công nghệ trong dự báo, quan trắc, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Chủ động ứng phó với mọi tình huống thiên tai, bão lũ.

4. Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học, cung cấp hệ thống giống chất lượng cao, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của vùng.

- Chú trọng nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao để gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp và cải tiến kỹ thuật canh tác hữu cơ, bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung đầu tư phát triển các công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng vào thực tiễn để phát triển các sản phẩm cụ thể, phù hợp với lợi thế của tỉnh trọng tâm là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, điện tử, y sinh.

- Khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, sản xuất và marketing sản phẩm mới.

- Hỗ trợ các dự án và doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, kết nối và sử dụng dịch vụ ở các Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; thu hút chuyên gia, nhà đầu tư khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo làm công tác tư vấn, truyền đạt kinh nghiệm, hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách, liên kết phát triển

- Xây dựng cơ chế, chính sách cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng liên kết vùng, trong đó chú trọng thu hút đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước; thiết lập hệ thống theo dõi, đánh giá thực hiện quy hoạch. Thực hiện có hiệu quả cơ chế phối hợp thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị và các quy hoạch, chiến lược cấp quốc gia có liên quan.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ mang tính đặc thù của tỉnh đối với các lĩnh vực khuyến khích phát triển như nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng rừng gỗ lớn, công nghiệp chế biến, chế tạo, chuyển đổi số, kinh tế số; chính sách tập trung, tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn có sức cạnh tranh và hiệu quả cao.

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài, quảng bá, giới thiệu tiềm năng của tỉnh đến bạn bè quốc tế; tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài đến làm việc, tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư, triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Quản lý quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch; phát triển và phân bố hợp lý trên địa bàn, tạo ra sự phát triển cân đối giữa các vùng. Coi trọng mối liên kết đô thị - nông thôn, nâng cao chất lượng đô thị, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

- Xây dựng lộ trình thích hợp để mở rộng không gian các đô thị, nâng hạng đô thị, nâng cấp chất lượng hạ tầng đô thị tại các khu nhà ở ven đô. Xây dựng đô thị văn minh, phát huy các thế mạnh của Việt Trì là thành phố lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam, là trung tâm đô thị động lực của tỉnh và vùng.

- Phát triển nông thôn trên cơ sở bảo toàn các khu vực nông nghiệp và lâm nghiệp, các vùng cảnh quan có giá trị; phát triển theo mô hình nông thôn mới gắn với các đặc thù của từng khu vực, duy trì các đặc tính phân bố vốn có của các khu dân cư truyền thống của đồng bào dân tộc trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất theo mô hình nông thôn mới.

7. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

- Đẩy mạnh cải cách, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp.

- Nâng cấp hoàn thiện hạ tầng số đảm bảo tốt cho hoạt động của chính quyền số của tỉnh, đồng thời hỗ trợ phát triển và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu lớn của tỉnh về kinh tế, y tế, giáo dục, môi trường, đất đai,...

- Chỉ đạo thực hiện tốt việc thực hiện “một cửa liên thông” tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Đánh giá các chỉ số PCI, PAPI, PAR-Index gắn với rà soát cơ chế, thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, phấn đấu nằm trong nhóm dẫn đầu của vùng, trong đó có một số chỉ tiêu nằm trong nhóm đầu của cả nước.

- Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ công chức hành chính nhà nước, bảo đảm tính chuyên nghiệp cao. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát đối với việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

- Nghiên cứu, xây dựng quy định về phân cấp, ủy quyền gắn với trách nhiệm giữa các cấp chính quyền trong thực hiện quy hoạch trên địa bàn tỉnh, nâng cao tính chủ động cho các cấp, các ngành.

8. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Quy hoạch được thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật có liên quan với các cơ chế, chính sách đã được thống nhất cho vùng Trung du và miền núi phía Bắc, phối hợp giữa các bộ, ngành và tỉnh, có sự tham gia của khu vực tư nhân và người dân.

- Tích cực triển khai quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng; tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án có quy mô vùng, có tính chất liên kết vùng, phát triển bền vững vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh các nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có) tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Hai thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- UBND tỉnh, VPQH, VPCP;
- Các bộ, ngành Trung ương;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT Công báo-Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND (T).

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu